

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75/2012/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 13 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho
cơ quan tổ chức thu Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004; Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001; Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí, Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính;

Sau khi xem xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu Phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Mức thu Phí vệ sinh (*như Phụ lục kèm theo*).

2. Tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu Phí vệ sinh:

a) Cơ quan tổ chức thu Phí vệ sinh của các đối tượng: Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh; hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp; cửa hàng, nhà hàng, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ; kinh doanh, dịch vụ khác; nhà máy, đơn vị sản xuất, bệnh

viện, nhà ga, bến bãi xe: Được trích để lại 25% trên tổng số tiền phí thực thu được trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước để trang trải cho công tác tổ chức hoạt động thu phí, phần còn lại 75% nộp vào ngân sách Nhà nước.

b) Đối với các doanh nghiệp kinh doanh chợ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp hiện hành: Số tiền thu Phí vệ sinh được hạch toán vào doanh thu của doanh nghiệp, đơn vị có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước trên kết quả thu phí;

c) Cơ quan thu Phí vệ sinh đối với các công trình xây dựng: Được trích để lại 10% trên tổng số tiền phí thực thu được trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước để trang trải cho công tác thu phí, phần còn lại 90% nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Thời gian thực hiện: từ ngày 01/8/2012

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 87/2007/NQ-HĐND ngày 19/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; khoản 3 Phụ lục I Nghị quyết số 03/2009/NQ-HĐND ngày 15/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định và điều chỉnh mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu đối với một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XV, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2012./.

CHỦ TỊCH

Phùng Thanh Kiểm

Phụ lục:**Mức thu Phí vệ sinh áp dụng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

(Kèm theo Nghị quyết số 75 /2012/NQ-HĐND
ngày 13 /7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Số T T	Đối tượng nộp phí	Đơn vị tính	Thành phố, thị trấn: Cao Lộc, Đồng Đăng; khu vực cửa khẩu: Tân Thanh- Cốc Nam, Hữu Nghị- Bảo Lâm, Chi Ma	Các thị trấn, thị tứ và các khu vực còn lại có hoạt động thu gom rác
1	Hộ gia đình, cá nhân không kinh doanh:	Đồng/hộ/tháng	20.000	15.000
2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của doanh nghiệp, cơ quan HCSN:			
2.1	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ không thường xuyên	Đồng/hộ/ngày	2.000	2.000
2.2	Hộ kinh doanh tại chợ; hộ gia đình có cửa hàng kinh doanh tại nhà:			
a	Hàng ăn uống	Đồng/hộ/tháng	100.000	80.000
b	Hàng rau, hoa quả	Đồng/hộ/tháng	80.000	60.000
c	Hàng hóa khác	Đồng/hộ/tháng	60.000	40.000
2.3	Kinh doanh, dịch vụ khác:			
a	Sửa chữa ô tô	Đồng/đv/tháng	200.000	150.000
b	Sửa chữa xe máy	Đồng/đv/tháng	100.000	80.000
c	Kinh doanh phế liệu	Đồng/đv/tháng	200.000	150.000
d	Dịch vụ rửa xe:			
d1	Rửa xe ô tô	Đồng/hộ/tháng	200.000	150.000

d2	Rửa xe máy	Đồng/hộ/tháng	150.000	120.000
2.4	Trường học, nhà trẻ			
a	Trong năm học	Đồng/đv/tháng	100.000	80.000
b	Trong thời gian nghỉ hè (có tổ chức học và nhận trẻ)	Đồng/đv/tháng	60.000	40.000
2.5	Trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị HCSN			
a	Có số lượng từ 50 người trở lên	Đồng/đv/tháng	100.000	80.000
b	Có số lượng dưới 50 người	Đồng/đv/tháng	70.000	50.000
3	Cửa hàng, nhà hàng; khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ; Kinh doanh, dịch vụ khác	Đồng/m ³ rác	160.000	160.000
4	Nhà máy, đơn vị sản xuất, bệnh viện, nhà ga, bến bãi xe	Đồng/m ³ rác	160.000	160.000
5	Công trình xây dựng:			
5.1	Công trình xây dựng nhà ở của tư nhân, hộ gia đình:			
a	Dưới 50m ² sàn	Đồng/công trình	150.000	100.000
b	Từ 50m ² đến 100m ² sàn	Đồng/công trình	300.000	200.000
c	Trên 100m ² đến 150m ² sàn	Đồng/công trình	450.000	300.000
d	Trên 150m ² đến 200m ² sàn	Đồng/công trình	600.000	350.000
e	Trên 200m ² đến 250m ² sàn	Đồng/công trình	800.000	500.000
f	Trên 250m ² đến 500m ² sàn	Đồng/công trình	900.000	700.000
g	Trên 500m ² sàn trở lên	Đồng/công trình	3.000.000	1.200.000
5.2	Công trình XD nhà nước, doanh nghiệp:	Giá trị xây lắp công trình	0,05%	0,05%